

**BÁO CÁO TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU TECHCOM
BÁN NIÊN NĂM TÀI CHÍNH 2021**

(Phụ lục 25 ban hành kèm theo Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

1. THÔNG TIN VỀ QUỸ:

a) Tên Quỹ, loại hình quỹ

: Quỹ Đầu Tư Trái phiếu Techcom (TCBF), Quỹ mở

b) Mục tiêu đầu tư của quỹ

: Mục tiêu đầu tư của Quỹ là mang lại lợi nhuận dài hạn thông qua tăng trưởng vốn gốc và thu nhập bằng cách đầu tư chủ yếu vào các loại tín phiếu, trái phiếu doanh nghiệp, trái phiếu được chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương, giấy tờ có giá và các công cụ thu nhập cố định khác có chất lượng tín dụng tốt. Công cụ có thu nhập cố định có chất lượng tín dụng tốt bao gồm tiền gửi có kỳ hạn tại các tổ chức tín dụng, trái phiếu doanh nghiệp và các loại tài sản khác có lãi suất cố định.

Trong nhiều trường hợp khác biệt, việc xem xét đầu tư sẽ do Đại hội Nhà Đầu Tư hoặc Ban Đại Diện Quỹ xem xét quyết định phù hợp với thẩm quyền tại Điều lệ này.

c) Thời hạn hoạt động của quỹ

: Không thời hạn

d) Danh mục tham chiếu

: Không áp dụng

e) Chính sách phân chia lợi nhuận

: Công ty quản lý quỹ được phân chia lợi nhuận của quỹ cho nhà đầu tư theo quy định tại điều lệ quỹ và chính sách phân chia lợi nhuận đã được công bố tại bản cáo bạch. Lợi nhuận phân chia được trích từ nguồn lợi nhuận để lại hoặc từ thu nhập của quỹ. Công ty quản lý quỹ chỉ được phân chia lợi nhuận khi quỹ đã hoàn thành hoặc có đủ năng lực tài chính để hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; trích lập đầy đủ các quỹ theo quy định tại điều lệ quỹ; ngay sau khi trả hết số lợi nhuận đã định, quỹ vẫn phải bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác đến hạn. Lịch trình và kế hoạch thực hiện phải được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của công ty quản lý quỹ.

Công ty quản lý quỹ được phân chia lợi nhuận của quỹ cho nhà đầu tư theo quy định tại điều lệ quỹ và chính sách phân chia lợi nhuận đã được công bố tại bản cáo bạch. Lợi nhuận phân chia được trích từ nguồn lợi nhuận để lại hoặc từ thu nhập của quỹ. Công ty quản lý quỹ chỉ được phân chia lợi nhuận khi quỹ đã hoàn thành hoặc có đủ năng lực tài chính

để hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; trích lập đầy đủ các quỹ theo quy định tại điều lệ quỹ; ngay sau khi trả hết số lợi nhuận đã định, quỹ vẫn phải bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác đến hạn. Lịch trình và kế hoạch thực hiện phải được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của công ty quản lý quỹ.

f) Số lượng chứng chỉ quỹ : 1.763.973.991,86 (thời điểm 30/06/2021)

g) Nội dung thay đổi tại điều lệ quỹ trong kỳ:

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 do Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 và có hiệu lực ngày 01 tháng 01 năm 2021;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021;
- Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài Chính về Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021;
- Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021;
- Thông tư số 99/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn về hoạt động của công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021;
- Các văn bản pháp lý liên quan khác.

Đại hội Nhà Đầu tư thường niên năm tài chính 2020 lần thứ hai tổ chức ngày 19/05/2021 đã nhất trí thông qua toàn bộ Điều lệ quỹ sửa đổi, bổ sung theo quy định pháp luật hiện hành có hiệu lực từ ngày 01/01/2021, thông tin chi tiết tham khảo tại nội dung công bố thông tin trên website của công ty QLQ theo đường link bên dưới:

<http://www.techcomcapital.com.vn/index.php/2021/05/20/tcbf-cong-bo-bien-ban-va-nghi-quyet-dai-hoi-nha-dau-tu-nam-tai-chinh-2020-lan-thu-hai-to-chuc-ngay-19052021/>

h) Nội dung Nghị quyết Đại hội nhà đầu tư:

Đại hội Nhà Đầu tư thường niên năm tài chính 2020 lần thứ hai tổ chức ngày 19/05/2021 đã nhất trí thông qua Nghị quyết với các nội dung sau(*):

Điều 1:

Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 của Quỹ tại tài liệu hợp.

Điều 2:

Thông qua Báo cáo Ngân hàng giám sát của Quỹ năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 đính kèm báo cáo tài chính kiểm toán và được đăng tại website của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Kỹ Thương tại địa chỉ: <http://www.techcomcapital.com.vn/index.php/category/cong-bo-thong-tin/>.

Điều 3:

Thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán và được đăng tại website của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Kỹ Thương tại địa chỉ: <http://www.techcomcapital.com.vn/index.php/category/cong-bo-thong-tin/>

Điều 4:

Thông qua phương án phân phối lợi nhuận cho Nhà Đầu tư năm tài chính 2020 Quỹ tại tài liệu họp.

Điều 5:

Thông qua kế hoạch hoạt động năm 2021 của Quỹ tại tài liệu họp.

Điều 6:

Thông qua việc lựa chọn công ty kiểm toán là **Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam** thực hiện việc kiểm toán Báo cáo tài chính của Quỹ cho năm tài chính kết thúc 31/12/2021.

Điều 7:

Thông qua Ngân sách hoạt động của Ban Đại diện Quỹ năm 2021 tại tài liệu họp.

Điều 8:

Thông qua việc điều chỉnh nhiệm kỳ của Ban Đại diện Quỹ như sau:

	Nhiệm kỳ hiện tại	Nhiệm kỳ thay đổi
Nhiệm kỳ Ban đại diện quỹ	2019-2021	2019-2023

Điều 9:

Thông qua việc Đại hội Nhà đầu tư thường niên năm tài chính 2020 ủy quyền cho Ban Đại diện Quỹ quyết định:

- Quyết định mức Giá dịch vụ Quản lý trong mức tối đa là 1,5%/NAV/năm.
- Hiệu lực của việc điều chỉnh Giá dịch vụ Quản Lý sau khi Ban Đại Diện Quỹ phê duyệt sẽ được Công ty quản lý Quỹ công bố trên trang website.
- Trường hợp thay đổi Giá dịch vụ Quản lý vượt mức tối đa nêu trên sẽ phải được Đại Hội Nhà Đầu Tư phê duyệt

Điều 10:

Thông qua toàn bộ nội dung sửa đổi và bổ sung Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Quỹ Đầu tư Trái phiếu Techcom (TCBF) tại tài liệu họp.

Điều 11:

Nghị quyết Đại hội có hiệu lực từ ngày ký.

(*) Thông tin chi tiết được đăng tại website của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Kỹ Thương.

i) Ý kiến nhận xét của Ngân hàng giám sát về các nội dung quy định tại Điều 45 Thông tư hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ mở;

Xin xem chi tiết tại Mục 4. Báo cáo về hoạt động giám sát của ngân hàng giám sát.

2. BÁO CÁO VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

a) Thông tin về danh mục đầu tư và giá trị tài sản ròng của quỹ:

	<i>Ngày 30 tháng 06 năm 2021</i>	<i>Ngày 30 tháng 06 năm 2020</i>	<i>Ngày 30 tháng 06 năm 2019</i>
Tiền gửi ngân hàng	4,59%	1,16%	0,52%
Tiền gửi có kỳ hạn dưới ba (03) tháng	2,61%	5,24%	2,94%
Trái phiếu niêm yết	27,84%	53,77%	67,08%
Trái phiếu chưa niêm yết	8,76%	9,63%	9,55%
Chứng chỉ tiền gửi	15,05%	13,16%	13,85%
Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng	38,78%	14,57%	3,46%
Các khoản phải thu	2,36%	2,46%	2,60%
	100,00%	100,00%	100,00%

Thông tin về giá trị tài sản ròng của quỹ:

	<i>Ngày 30 tháng 06 năm 2021</i>	<i>Ngày 30 tháng 06 năm 2020</i>	<i>Ngày 30 tháng 06 năm 2019</i>
Giá trị tài sản ròng của Quỹ	26.692.091.088.901	17.046.549.944.843	11.487.464.040.037
Tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành	1.763.973.991,86	1.200.097.581,13	870.674.034,20
Giá trị tài sản ròng của một đơn vị chứng chỉ quỹ (CCQ)	15.131,79	14.204,30	13.193,75
Giá trị tài sản ròng cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ	15.157,98	14.204,30	13.193,75
Giá trị tài sản ròng thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ	14.657,53	13.767,78	12.735,25
Thu nhập của Quỹ			
Tiền lãi nhận được	960.801.688.299	676.030.508.108	389.489.056.823
Lãi (lỗ) bán các khoản đầu tư	(17.972.348.073)	9.548.802.195	4.790.568.312
Chênh lệch tăng, giảm đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện	117.497.148.608	(69.346.026.812)	(9.348.797.606)
Doanh thu khác			
Phân phối gộp trên 1 đơn vị CCQ	Chưa phân phối	Chưa phân phối	Chưa phân phối
Phân phối ròng trên 1 đơn vị CCQ	Chưa phân phối	Chưa phân phối	Chưa phân phối
Ngày chốt quyền	Chưa phân phối	Chưa phân phối	Chưa phân phối

Tỷ lệ chi phí hoạt động của Quỹ (%)	1,31%	1,62%	1,63%
Tốc độ vòng quay danh mục (%)	41,80%	86,43%	102,68%

b) Chỉ tiêu lợi nhuận của Quỹ:

Chỉ tiêu	1 năm đến thời điểm báo cáo (%)	3 năm gần nhất tính đến thời điểm báo cáo (%)	5 năm gần nhất tính đến thời điểm báo cáo (%)
Tăng trưởng thu nhập/1 đơn vị CCQ	9,16%	13,40%	14,25%
Tăng trưởng Vốn/1 đơn vị CCQ	-4,97%	-4,55%	10,73%
Tổng tăng trưởng/1 đơn vị CCQ	6,53%	23,91%	33,77%
Tăng trưởng hàng năm(%) /1 đơn vị CCQ	6,53%	7,41%	7,54%
Tăng trưởng của danh mục cơ cấu	-9,79%	422,87%	Không áp dụng

c) Các chỉ tiêu so sánh khác, bảo đảm tuân thủ nguyên tắc:

Phương thức, nguyên tắc xác định giá trị tài sản, là thống nhất đã được phê duyệt bởi Ban đại diện Quỹ;

d) Khuyến cáo: các thông tin về kết quả hoạt động của quỹ trước đây chỉ mang tính tham khảo và không có nghĩa là việc đầu tư sẽ bảo đảm khả năng sinh lời cho nhà đầu tư.

3. BÁO CÁO VỀ HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ TÀI SẢN CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ:

a) Thuyết minh về việc thay đổi Công ty quản lý quỹ: Không có

b) Thuyết minh về việc quỹ có đạt được mục tiêu đầu tư (thuyết minh này chỉ cần thiết tại báo cáo hàng năm của quỹ): Quỹ hoàn thành mục tiêu mang lại lợi nhuận dài hạn đều đặn cho các Nhà Đầu tư.

Theo báo cáo tài chính cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021 của Quỹ đã được kiểm toán, tính đến cuối kỳ báo cáo, thay đổi giá trị tài sản ròng (NAV)/1 đơn vị CCQ của Quỹ là 6,53% so với thời điểm 30 tháng 06 năm 2020 .

c) So sánh kết quả lợi nhuận của quỹ với kết quả lợi nhuận của danh mục tham chiếu, chỉ số cơ sở công bố tại Bản cáo bạch trong cùng kỳ báo cáo (bằng đồ thị): Không áp dụng do Quỹ không có danh mục tham chiếu, chỉ số cơ sở.

d) So sánh kết quả lợi nhuận của quỹ với kết quả lợi nhuận của danh mục tham chiếu, chỉ số cơ sở công bố tại Bản cáo bạch trong khoảng thời gian năm (05) năm gần nhất, tính tới ngày báo cáo (bằng đồ thị): Không áp dụng do Quỹ không có danh mục tham chiếu, chỉ số cơ sở.

e) Mô tả chiến lược, chiến thuật đầu tư mà quỹ đã sử dụng trong kỳ báo cáo. Trường hợp có sự khác biệt giữa chiến lược, chiến thuật đầu tư thực hiện trong kỳ so với chiến lược, chiến thuật đầu tư đã công bố tại Bản cáo

bạch, thì phải bổ sung thuyết minh và đánh giá ưu, nhược điểm của chiến lược, chiến thuật đầu tư đã thực hiện trong kỳ: Quỹ không thay đổi chiến lược trong kỳ báo cáo. Chiến lược Quỹ sử dụng trong kỳ báo cáo là chiến lược đã được công bố thông tin tại Bản cáo bạch.

f) Mô tả sự khác biệt về cơ cấu danh mục đầu tư của quỹ tại thời điểm báo cáo, so với danh mục đầu tư của quỹ năm liền kề năm báo cáo:

Thông tin về cơ cấu danh mục tham khảo tại mục a) phần 2. Báo cáo về kết quả hoạt động của Quỹ nêu trên.

So với danh mục tại thời điểm 30/06/2020, tại thời điểm 30/06/2021 Quỹ tăng đáng kể tỷ trọng đầu tư vào hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng.

g) Phân tích kết quả hoạt động của quỹ dựa trên việc so sánh giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ (sau khi đã điều chỉnh phần lợi nhuận đã phân phối, nếu có) tại kỳ báo cáo này tại kỳ báo cáo gần nhất;

Trong kỳ Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận.

h) Đánh giá biến động của các thị trường trong kỳ báo cáo, kể cả thị trường nước ngoài, mà quỹ đầu tư vào, thông tin về lợi nhuận đầu tư đối với từng loại tài sản: cổ phiếu, cổ phiếu blue-chip, cổ phiếu các công ty có mức vốn hóa thấp (small-cap)...

- Đánh giá biến động của thị trường trong kỳ báo cáo:

Kinh tế vĩ mô H1 năm 2021

Kinh tế Việt Nam tiếp tục xu hướng hồi phục trong Quý II song gặp nhiều cản trở bởi làn sóng thứ 4 của đại dịch.

Tổng sản phẩm trong nước (GDP) quý I/2021 ước tính tăng 4,48% so với cùng kỳ năm trước, cao hơn tốc độ tăng 3,68% của quý I/2020, dù bị ảnh hưởng của dịch Covid-19 ở một số địa phương cho thấy sự chỉ đạo, điều hành quyết liệt, kịp thời của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và sự nỗ lực của các cấp, các ngành, người dân và doanh nghiệp để tiếp tục thực hiện hiệu quả mục tiêu kép “vừa phòng chống dịch bệnh, vừa phát triển kinh tế”.

Tổng sản phẩm trong nước (GDP) quý II/2021 ước tính tăng 6,61% so với cùng kỳ năm trước, cao hơn tốc độ tăng 0,39% của quý II/2020 nhưng thấp hơn tốc độ tăng 6,73% của quý II các năm 2018 và 2019; trong đó khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 4,11%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 10,28%; khu vực dịch vụ tăng 4,30%. Về sử dụng GDP quý II/2021, tiêu dùng cuối cùng tăng 3,18% so với cùng kỳ năm trước; tích lũy tài sản tăng 6,05%; xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ tăng 29,81%; nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ tăng 28,53%.

GDP 6 tháng đầu năm 2021 tăng 5,64%, cao hơn tốc độ tăng 1,82% của 6 tháng đầu năm 2020 nhưng thấp hơn tốc độ tăng 7,05% và 6,77% của cùng kỳ năm 2018 và 2019. Dịch Covid-19 bùng phát tại một số địa phương trên cả nước từ cuối tháng Tư với những diễn biến phức tạp, khó lường đã đặt ra nhiều thách thức, rủi ro cho nước ta trong việc thực hiện mục tiêu kép “vừa phòng chống dịch bệnh, vừa phát triển kinh tế”. Trong mức tăng chung của toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,82%, đóng góp 8,17%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8,36%, đóng góp 59,05%; khu vực dịch vụ tăng 3,96%, đóng góp 32,78%.

Trong khi đó, hoạt động xuất nhập khẩu vẫn đạt tăng trưởng tích cực, tuy nhiên nhập khẩu có xu

hưởng mạnh hơn do sản xuất toàn cầu phục hồi và giá nhập khẩu hàng hóa tăng, trong khi xuất khẩu cuối quý bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh tại một số KCN. Cán cân thương mại chuyển từ thặng dư Quý I sang thâm hụt khoảng 4 tỷ USD trong Quý II và 1,5 tỷ USD trong 6 tháng. Cán cân dịch vụ tiếp tục thâm hụt 3,9 tỷ USD trong Quý II và 7,7 tỷ USD trong 6 tháng

CPI bình quân Quý II tăng 2,67% so với cùng kỳ; lạm phát bình quân 6 tháng đầu năm ở mức 1,47% - thấp nhất kể từ năm 2016. Lạm phát cơ bản bình quân 6 tháng cũng chỉ ở mức 0,87% so với cùng kỳ - mức thấp kỷ lục so với các năm trước

Thị trường trái phiếu H12021

Trong tháng 6, KBNN tổ chức 18 đợt đấu thầu TPCP với tổng GTGT đạt 46,000 tỷ đồng, tổng giá trị đặt thầu là 102,691 tỷ đồng, trong đó giá trị trúng thầu đạt 31,803 tỷ đồng, tương đương tỷ lệ trúng thầu đạt 69%. Trong đó, 2 kỳ hạn có khối lượng gọi thầu cao nhất là kỳ hạn 10 năm và kỳ hạn 15 năm (lần lượt là 22,000 và 15,500 tỷ đồng), tỷ lệ trúng thầu lần lượt đạt 93.9% (kỳ hạn 10 năm) và 54.7% (kỳ hạn 15 năm). Trừ kỳ hạn 20 và 30 năm, lãi suất trúng thầu có xu hướng giảm ở các kỳ hạn còn lại.

Trong Q2/2021, KBNN dự kiến phát hành 100,000 tỷ đồng TPCP. Kết thúc Quý II/2021, tổng khối lượng phát hành trong Quý đạt 102,288 tỷ đồng, tương ứng 102.2% Kế hoạch Quý II. Tính từ đầu năm đến nay, kết quả phát hành TPCP đạt 40.4% kế hoạch cả năm.

Trên thị trường thứ cấp, giá trị giao dịch thông thường (Outright) và giao dịch mua bán lại (Repo) trong tháng 6 lần lượt đạt 193,085 tỷ (tăng 40.06% so với tháng trước) và 77,945 tỷ (giảm 6.53% so với tháng trước). Trong tháng 6, giá trị giao dịch Outright trung bình phiên tăng lên mức 8,777 tỷ đồng/ngày (tăng 27.3% so với tháng trước), trong khi đó giá trị GD Repo trung bình phiên giảm xuống mức 3,543 tỷ đồng/ngày (giảm 3.15% so với tháng trước).

Mặt bằng lãi suất các kỳ hạn 10-15 năm giảm 10-20 điểm so với cuối quý I, trong khi các kỳ hạn ngắn dưới 5 năm tăng 10-20 điểm.

Trên thị trường trái phiếu doanh nghiệp, 6 tháng đầu năm 2021, có 306 đợt phát hành TPDN trong nước với tổng giá trị phát hành đạt 186,683 tỷ đồng, trong đó có 293 đợt phát hành riêng lẻ với tổng GTPH là 177,098 tỷ đồng, và 13 đợt phát hành ra công chúng giá trị 9,584 tỷ đồng. Nhóm các ngân hàng thương mại vẫn dẫn đầu với tổng giá trị phát hành đạt 68,113 tỷ đồng. Nhóm bất động sản xếp vị trí thứ 2 với tổng khối lượng phát hành 61,988 tỷ đồng. Trong 6 tháng đầu năm, có 2 đợt phát hành trái phiếu ra thị trường quốc tế gồm: Tập đoàn Vingroup (500 triệu USD) và trái phiếu xanh của Công ty Cổ phần Bất động sản BIM (200 triệu USD).

Nguồn: VBMA, TCC tổng hợp

- Thông tin về lợi nhuận đầu tư đối với từng loại tài sản:

	Ngày 30 tháng 06 năm 2021	Ngày 30 tháng 06 năm 2020	Ngày 30 tháng 06 năm 2019
Thu nhập của Quỹ			
Tiền lãi nhận được	960.801.688.299	676.030.508.108	389.489.056.823
Lãi tiền gửi ngân hàng	301.765.510.683	93.608.396.174	18.191.468.309
Lãi chứng chỉ tiền gửi	197.193.753.423	128.808.287.672	41.795.114.156
Lãi trái phiếu	461.842.424.193	453.613.824.262	329.502.474.358
Lãi (lỗ) bán các khoản đầu tư	(17.972.348.073)	9.548.802.195	4.790.568.312
Trái phiếu	(14.156.681.634)	680.888.943	3.462.959.035
Chứng chỉ tiền gửi	(3.815.666.440)	8.867.913.252	1.327.609.277
Chênh lệch tăng, giảm đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện	117.497.148.608	(69.346.026.812)	(9.348.797.606)
Doanh thu khác			

i) Thông tin về việc chia, tách đơn vị quỹ trong kỳ (nếu có); ảnh hưởng của việc chia tách đơn vị quỹ và giá trị tài sản ròng trên từng đơn vị quỹ (trước và sau khi chia, tách): Không có.

k) Các trường hợp có ảnh hưởng tới quyền lợi của nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ: Không có

l) Thông tin về các giao dịch với người có quyền lợi liên quan (nếu có): Không có

m) Các thông tin khác (nếu có).

4. BÁO CÁO VỀ HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Ngân hàng giám sát phải đưa ra ý kiến về sự tuân thủ quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Kỹ thương trong quá trình vận hành và quản lý Quỹ Đầu Tư Trái Phiếu Techcom (“TCBF” hoặc “Quỹ”) đối với các nội dung sau:

a) Thuyết minh về việc thay đổi ngân hàng giám sát (nếu có): từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 30 tháng 06 năm 2021, Quỹ không thay đổi Ngân hàng giám sát.

b) Việc lưu ký tài sản của quỹ: từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 30 tháng 06 năm 2021, Quỹ đã thực hiện lưu ký tài sản theo các quy định pháp luật hiện hành.

c) Việc đầu tư tuân thủ các hạn chế về đầu tư, hạn chế về vay theo quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch;

Trong quá trình giám sát hoạt động đầu tư và các giao dịch tài sản của Quỹ cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 30 tháng 06 năm 2021, hạn mức đầu tư của Quỹ đã phát sinh sai lệch so với các quy định tại các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành về quỹ mở, Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và văn bản pháp luật liên quan, cụ thể như sau:

➤ Theo Điểm b, Khoản 4, Điều 35, Thông tư 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán (“Thông tư 98”) và Điều 10, Điều lệ Quỹ quy định cơ cấu danh mục đầu tư của quỹ mở phải đảm bảo: “Không được đầu tư vào chứng khoán của một tổ chức phát hành quá 10% tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó, trừ công cụ nợ của Chính phủ.” Trường hợp phát sinh sai lệch, Công ty Quản lý Quỹ có nghĩa vụ điều chỉnh lại cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ cho phù hợp với quy định trong thời gian cho phép.

Tại một số kỳ định giá trong giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 30 tháng 06 năm 2021, tỷ lệ đầu tư của Quỹ vào chứng khoán của một tổ chức phát hành đã phát sinh sai lệch so với hạn mức 10% giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó.

Công ty Quản lý Quỹ đã thực hiện điều chỉnh lại cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ để đáp ứng hạn mức đầu tư theo quy định trong thời gian cho phép.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ đã tuân thủ quy định tại Điểm b, Khoản 4, Điều 35, Thông tư 98 và Điều 10, Điều lệ Quỹ.

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 30 tháng 06 năm 2021, Quỹ không có bất kỳ hợp đồng vay và cho vay.

d) Việc xác định giá trị tài sản ròng theo quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch: việc xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ đã tuân thủ theo quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch và các văn bản pháp luật có liên quan.

e) Việc phát hành bổ sung chứng chỉ quỹ, mua lại chứng chỉ quỹ theo quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch: việc phát hành bổ sung chứng chỉ quỹ, mua lại chứng chỉ quỹ được tuân thủ theo quy định pháp luật liên quan hiện hành, quy định tại Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch.

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 30 tháng 06 năm 2021, Quỹ đã thực hiện:

- Phát hành thêm chứng chỉ Quỹ: phát hành thêm 899.282.131,3 chứng chỉ Quỹ tương ứng với tổng giá trị phát hành theo mệnh giá là 8.992.821.313.000 đồng.

- Mua lại chứng chỉ Quỹ: mua lại 782.357.168,83 chứng chỉ Quỹ tương ứng với tổng giá trị mua lại theo mệnh giá là 7.823.571.688.300 đồng.

f) Việc phân chia lợi nhuận của quỹ: từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 30 tháng 06 năm 2021, Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận cho nhà đầu tư

5. BÁO CÁO VỀ HOẠT ĐỘNG ỦY QUYỀN

Công ty quản lý quỹ phải lập báo cáo đánh giá chất lượng dịch vụ cung cấp bởi các tổ chức khác (bên nhận ủy quyền), như dịch vụ đại lý chuyển nhượng, dịch vụ quản trị quỹ, dịch vụ xác định giá trị tài sản ròng... với các nội dung sau:

a) Chi phí phải trả cho bên nhận ủy quyền so với lợi nhuận, thu nhập, tổng chi phí hoạt động của quỹ:

	Từ ngày 01/01 đến 30/06/2021	Từ ngày 01/01 đến 30/06/2020	Từ ngày 01/01 đến 30/06/2019
Tổng chi phí trả Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered Việt Nam (1)	15.242.202.568	8.878.687.497	5.665.157.949
Tổng chi phí hoạt động (2)	178.585.952.863	125.598.901.935	71.929.217.840
% Tổng chi phí hoạt động = (1)/(2)	8,53%	7,07%	7,88%
Tổng Lợi nhuận đã thực hiện và chưa thực hiện (3)	881.612.464.119	490.137.034.546	312.437.779.935
% Lợi nhuận = (1)/(3)	1,73%	1,81%	1,81%
Tổng Thu nhập đã thực hiện và chưa thực hiện của Quỹ (4)	1.060.326.488.834	616.233.283.491	384.930.827.529
% Thu nhập của Quỹ = (1)/(4)	1,44%	1,44%	1,47%

b) Các ảnh hưởng (nếu có) của hoạt động ủy quyền tới lợi nhuận, mức độ rủi ro của quỹ: Không có

c) Tổng chi phí các hoạt động ủy quyền phải trả cho bên nhận ủy quyền (trường hợp bên nhận ủy quyền cung cấp nhiều dịch vụ cho công ty quản lý quỹ):

	Từ ngày 01/01 đến 30/06/2021	Từ ngày 01/01 đến 30/06/2020	Từ ngày 01/01 đến 30/06/2019
Tổng chi phí trả Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered Việt Nam (1)	15.242.202.568	8.878.687.497	5.665.157.949
Phí dịch vụ lưu ký - bảo quản tài sản	4.741.802.370	2.710.427.341	2.184.201.953
Phí dịch vụ lưu ký - giao dịch chứng khoán	29.660.000	166.545.000	78.510.000
Phí dịch vụ giám sát	4.470.842.230	2.555.545.780	1.441.573.282
Phí dịch vụ quản trị Quỹ mở	5.999.897.968	3.446.169.376	1.960.872.714

d) Đánh giá khả năng duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, tính bảo mật, hạ tầng cơ sở vật chất kỹ thuật, hệ thống dự phòng nóng, hệ thống dự phòng thảm họa... của bên nhận ủy quyền, bảo đảm hoạt động ủy quyền được thực hiện thông suốt, không gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư của nhà đầu tư.

Dịch vụ lưu ký, giám sát, quản trị quỹ được ủy quyền cho Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered Việt Nam.

Theo đánh giá của chúng tôi, Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered Việt Nam là đơn vị có uy tín, kinh nghiệm trên thị trường, với đội ngũ nhân viên có trình độ chuyên môn cao, tính chuyên nghiệp trong quá trình cung cấp dịch vụ, có hệ thống phần mềm theo chuẩn quốc tế và các phòng, bộ phận chức năng được thiết lập và hoạt động độc lập... Do đó, khả năng duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, tính bảo mật, hạ tầng cơ sở vật chất kỹ thuật, hệ thống dự phòng nóng, hệ thống dự phòng thảm họa của Ngân hàng nhận ủy quyền cho Quỹ TCBF được bảo đảm hoạt động thông suốt, không gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư của nhà đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ KỸ THƯƠNG



CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Nguyễn Thị Thu Hiền